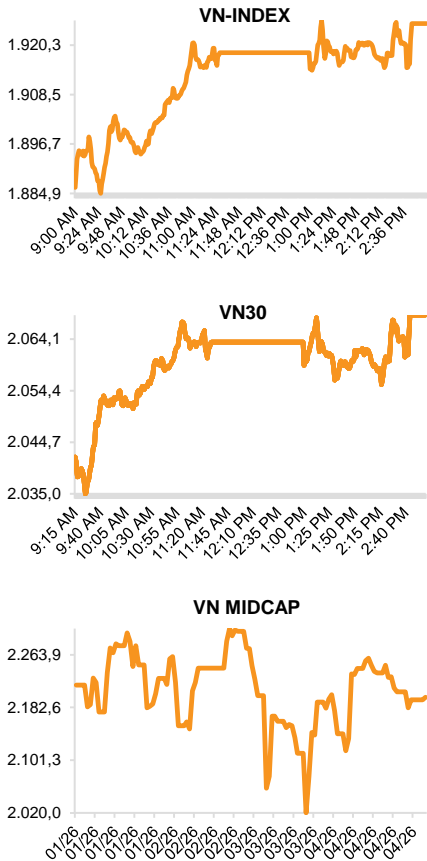


KHỐI PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ VNDIRECT
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

📍 Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội
☎ +84 2439724568
✉ Research@vndirect.com.vn
🌐 vndirect.com.vn



Hình 1: DIỄN BIẾN CHỈ SỐ

Chỉ số	HOSE	HNX	UPCOM
Giá đóng cửa (điểm)	1.925,5	255,1	126,4
1 ngày (%)	1,4	0,2	0,1
1 tháng (%)	8,4	1,1	-1,3
Từ 2026	7,9	2,5	4,4
1 năm (%)	47,0	16,5	33,2
Vốn hóa (nghìn tỷ VND)	339	15	25
Thanh khoản khớp lệnh (nghìn tỷ VND)	0,8	1,2	0,6
Số mã tăng	163	64	113
Số mã giảm	130	75	110
Số mã tham chiếu	109	157	517

Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Thị trường chứng khoán

VN-Index tăng 1,4%, khối ngoại mua ròng trở lại

Phiên giao dịch ngày 14/5/2026 ghi nhận đà hồi phục tích cực của chỉ số VN-Index sau giai đoạn rung lắc đầu phiên. Kết phiên, VN-Index đóng cửa tại 1.925,5 điểm, tăng 27,1 điểm (+1,4%). Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 163 mã tăng (2 mã tăng trần), 127 mã giảm (1 mã giảm sàn) và 76 mã đứng giá. HNX-Index tăng 0,5 điểm (+0,2%) lên 255,1 điểm.

Chỉ số VN30 tăng 1,2% lên 2.068,6 điểm nhờ lực đẩy từ các cổ phiếu trụ. Xét về các ngành, Công nghệ dẫn đầu chiều tăng ở mức 3,6%, theo sau là Bất động sản (+3,1%), Dịch vụ tiện ích (+1,3%) và Thực phẩm & Đồ uống (+1,1%). Ngân hàng và Phương tiện truyền thông cùng ghi nhận mức tăng nhẹ lần lượt 0,9% và 0,7%. Ở chiều ngược lại, Hóa chất chịu áp lực lớn nhất với mức giảm 0,9%; Tài nguyên, Xây dựng & Vật liệu và Bảo hiểm cùng điều chỉnh 0,5%.

Thanh khoản khớp lệnh HoSE đạt 18,1 nghìn tỷ đồng, giảm 27,1% so với phiên trước và thấp hơn ngưỡng trung bình 20 ngày gần nhất. Khối ngoại đảo chiều mua ròng 253,9 tỷ đồng, tập trung tại VIC (163,1 tỷ đồng) và MSN (142,9 tỷ đồng).

Chúng tôi khuyến nghị: 1) Đối với nhà đầu tư có tỷ trọng cổ phiếu cao: VNIndex xác lập đỉnh mới là tín hiệu kỹ thuật tích cực, song độ rộng thị trường âm và chưa đến một phần ba số mã ghi nhận mức tăng cho thấy đà phục hồi phụ thuộc vào số ít cổ phiếu vốn hóa lớn. Có thể cân nhắc chốt lời từng phần tại các vị thế đã đạt mục tiêu và hạn chế gia tăng thêm trong bối cảnh đã tăng thiếu chiều rộng; 2) Đối với nhà đầu tư có tỷ trọng tiền mặt cao: Thanh khoản cải thiện mạnh tạo cơ sở để giải ngân có chọn lọc, ưu tiên Bất động sản và Ngân hàng là hai ngành đang dẫn dắt xu hướng với dòng vốn rõ ràng. Tránh phân bổ vào nhóm Dầu khí khi giá dầu toàn cầu tiếp tục điều chỉnh.

Hình 2: DIỄN BIẾN NGÀNH

Ngành	Tỷ trọng	P/E	P/B	Thay đổi (%)		Thay đổi (%)		KL
				1D	1M	YTD	1Y	
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4,3	173,1	3,7	0,0	4,7	-3,2	11,3	2,9
Hàng tiêu dùng thiết yếu	6,7	20,1	5,0	1,4	-1,6	-8,6	12,1	-1,9
Năng lượng	2,6	15,5	2,0	-0,4	10,1	62,0	118,9	-51,4
Tài chính	36,3	12,0	1,7	0,8	2,1	4,0	27,0	-12,1
Chăm sóc sức khỏe	0,4	16,6	2,4	-0,1	-3,5	-5,0	0,9	24,7
Công nghiệp	7,0	24,4	4,4	-0,2	2,2	-3,4	42,2	-8,6
Công nghệ thông tin	1,6	13,3	3,1	4,2	-3,5	20,4	-28,0	81,6
Vật liệu xây dựng	5,8	19,1	1,8	-0,6	-0,3	13,7	21,6	13,1
Bất động sản	31,3	102,8	8,3	3,3	29,5	27,5	339,5	-39,5
Dịch vụ tiện ích	3,8	14,8	2,3	1,1	3,1	10,9	26,5	29,2

Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Điểm tin

Tin vĩ mô thế giới

- **Toàn cầu:** Tổng thống Donald Trump bắt đầu chuyến công du hai ngày tới Bắc Kinh nhằm thảo luận về thỏa thuận thương mại, rủi ro xung đột Iran cùng chương trình xuất khẩu vũ khí sang Đài Loan.
- **Mỹ:** PPI tháng 4 tăng 6,0% svck (tháng 3: +4,3%), mức tăng cao nhất kể từ T12/22; PPI lõi tăng 5,2% svck (tháng 3: +4,0%), phản ánh áp lực lạm phát leo thang trên diện rộng, ảnh hưởng cả hàng hóa lẫn dịch vụ trong bối cảnh xung đột địa chính trị toàn cầu.
- **Fed:** Thượng viện chính thức phê chuẩn ông Kevin Warsh giữ chức Chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang nhiệm kỳ bốn năm.
- **ECB:** Nhà kinh tế trưởng Philip Lane cho rằng cú sốc dầu mỏ toàn cầu từ xung đột Iran có thể buộc ECB tăng lãi suất để ngăn chi phí nhiên liệu lan rộng sang tiền lương, kỳ vọng lạm phát và giá cả nói chung.
- **Anh:** GDP Q1/26 tăng 0,6% so với quý trước (Q4/25: +0,2%), GDP tháng 3 tăng 1,2% svck (tháng 2: +1,0%). Cán cân thương mại tháng 3 thâm hụt 9,7 tỷ GBP (tháng 2: thâm hụt 0,7 tỷ GBP).

Tin vĩ mô trong nước

- Chủ tịch nước ký ban hành chín luật được Quốc hội khóa XVI thông qua tại Kỳ họp thứ Nhất, cập nhật hàng loạt quy định trọng yếu về ngân sách, dân sự và hành chính nhằm tạo nền tảng vững chắc cho giai đoạn phát triển tiếp theo.
- Phó Thủ tướng Nguyễn Văn Thắng định hướng năm nhóm nhiệm vụ thu hút FDI thế hệ mới tại Diễn đàn Nhịp cầu Phát triển Việt Nam 2026, ưu tiên các lĩnh vực công nghệ chiến lược như bán dẫn, AI và năng lượng sạch, đồng thời thúc đẩy doanh nghiệp nội địa tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu. Việt Nam cần huy động khoảng 38,5 triệu tỷ đồng vốn đầu tư để đạt mục tiêu tăng trưởng, trong đó nguồn vốn nhà nước chỉ đáp ứng khoảng 22%, phần còn lại phụ thuộc vào khu vực tư nhân và vốn ngoại.
- Hà Nội phê duyệt Quy hoạch tổng thể Thủ đô tầm nhìn 100 năm, xác lập chiến lược phát triển đến 2085 theo cấu trúc "đa tầng – đa lớp – đa cực – đa trung tâm", lấy sông Hồng làm trục cảnh quan sinh thái chủ đạo.

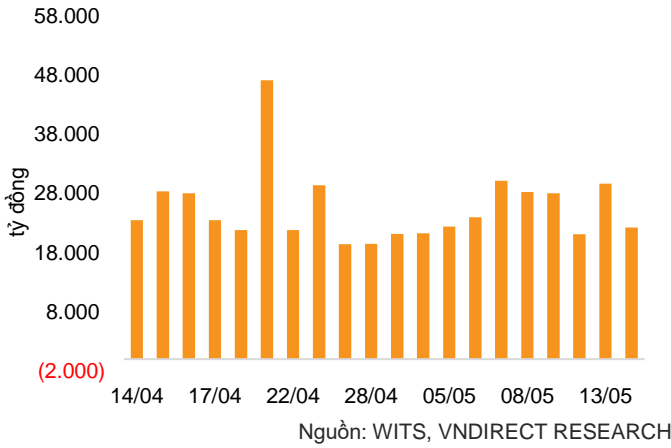
Tin ngành và doanh nghiệp

- **VIC:** Thông qua kế hoạch thành lập CTCP VinSurgical với vốn điều lệ 300 tỷ đồng, trong đó Vingroup nắm 51% vốn, hoạt động trong lĩnh vực robot phẫu thuật, thiết bị y tế thông minh và giải pháp hỗ trợ y khoa công nghệ cao.
- **DVP:** Chốt ngày đăng ký cuối cùng 5/6 để nhận cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền mặt tỷ lệ 50% (5.000 đồng/cổ phiếu), thanh toán ngày 29/6, tương đương tổng chi 200 tỷ đồng. Kế hoạch cổ tức cả năm 2025 ở mức 80% và năm 2026 tối thiểu 70%.
- **DHC:** Phát hành thêm hơn 9,6 triệu cổ phiếu để trả cổ tức tỷ lệ 10%, nâng vốn điều lệ lên 1,1 nghìn tỷ đồng sau đợt phát hành.

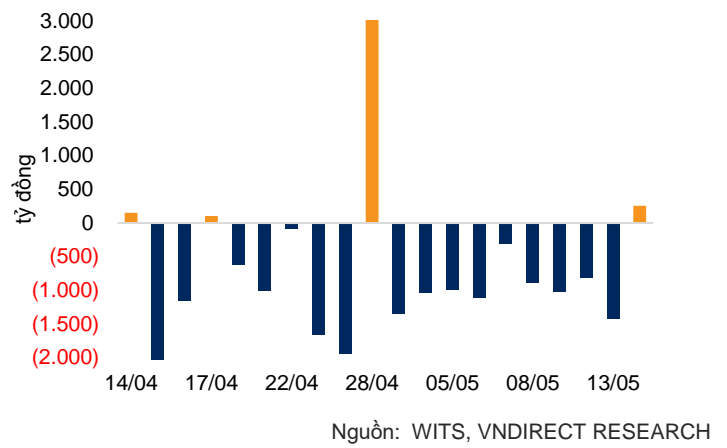
Lịch dữ liệu vĩ mô dự kiến trong tuần

Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Hai, 11/05/2026	Trung Quốc	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) và chỉ số giá sản xuất (PPI) tháng 4/2026
Thứ Ba, 12/05/2026	Mỹ	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 4/2026
Thứ Tư, 13/05/2026	Mỹ	Chỉ số giá sản xuất (PPI) tháng 4/2026
Thứ Năm, 14/05/2026	Mỹ	Doanh số bán lẻ tháng 4/2026

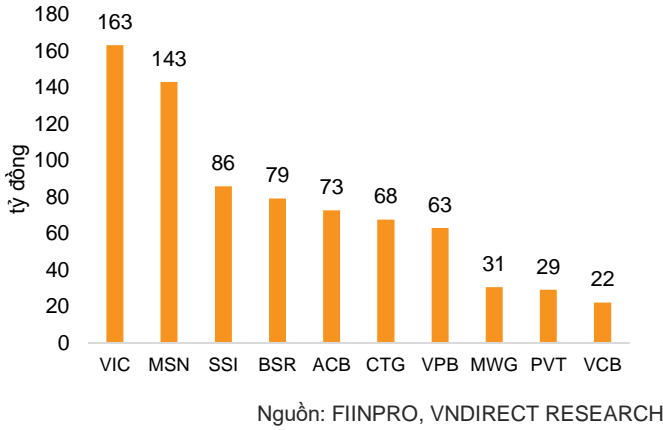
Hình 3: GIÁ TRỊ GIAO DỊCH HOSE TRONG 20 PHIÊN



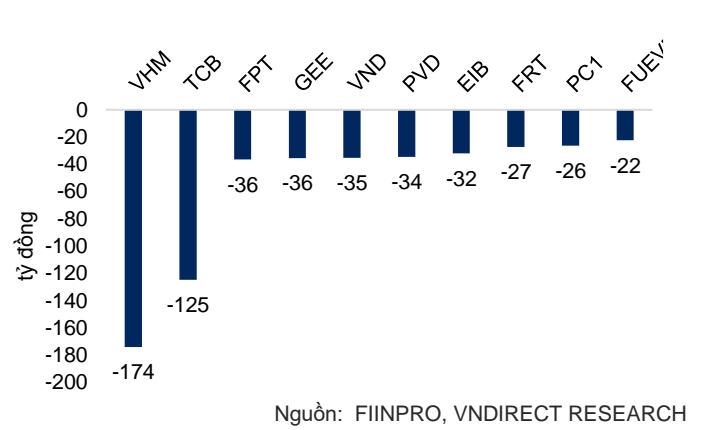
Hình 4: MUA/BÁN RÒNG KHỎI NGOẠI HOSE TRONG 20 PHIÊN



Hình 5: TOP 10 MUA RÒNG TRONG NGÀY



Hình 6: TOP 10 BÁN RÒNG TRONG NGÀY

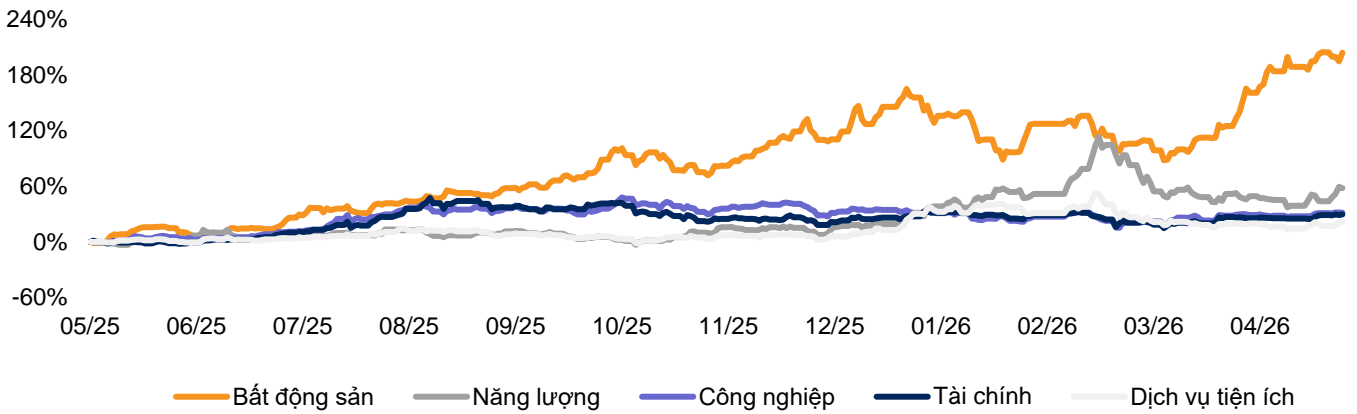


Hình 7: DIỄN BIẾN CHỈ SỐ TOÀN CẦU

Quốc gia	Chỉ số	1D (%)	YTD (%)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	GTGD TB 3T (triệu USD)	Lợi suất TPCP 5 năm	Vốn NN từ đầu năm	Tỷ giá (% MoM)	Tỷ giá (% Svck)
Trung Quốc	Shanghai Index	-1,5%	5,3%	19,3	1,6	-11,7%	2,2%	153.885	1,5%	17.878	0,4%	6,2%
Ấn Độ	NSE500 Index	1,2%	-5,1%	24,0	3,4	15,1%	1,2%	10.689	6,8%	-22.715	-2,6%	-11,0%
Indonesia	JCI Index	-2,0%	-22,2%	15,6	1,8	11,8%	3,8%	1.000	6,6%	-2.415	-2,3%	-5,5%
Singapore	FSTAS Index	-0,3%	7,7%	17,9	1,5	9,0%	4,3%	1.574	1,7%	1.143	-0,1%	2,3%
Malaysia	FBME Index	-0,1%	5,0%	17,0	1,5	8,3%	3,7%	734	3,4%	364	0,5%	9,1%
Philippines	PCOMP Index	1,0%	-2,3%	8,5	1,0	10,6%	3,9%	102	5,8%	-72	-2,9%	-9,3%
Thái Lan	SET Index	1,3%	22,0%	12,8	1,4	8,5%	4,4%	2.058	1,5%	714	-0,8%	3,4%
Việt Nam	VN-Index	1,4%	7,9%	15,5	2,2	15,1%	1,5%	914	4,0%	-1.937	0,0%	-1,6%

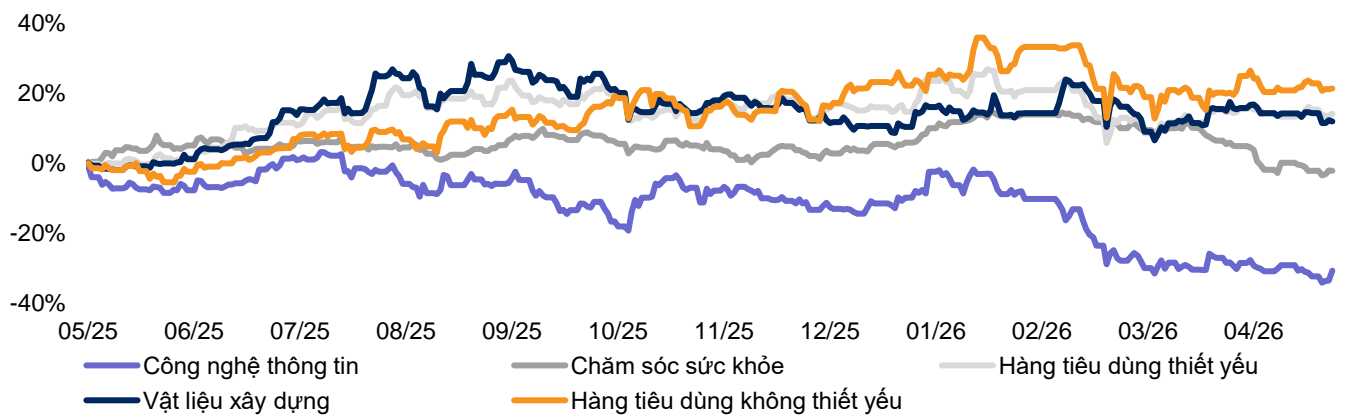
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 8: TOP 5 NGÀNH CÓ HIỆU SUẤT TỐT NHẤT TRÊN HOSE (CẬN TRÊN)



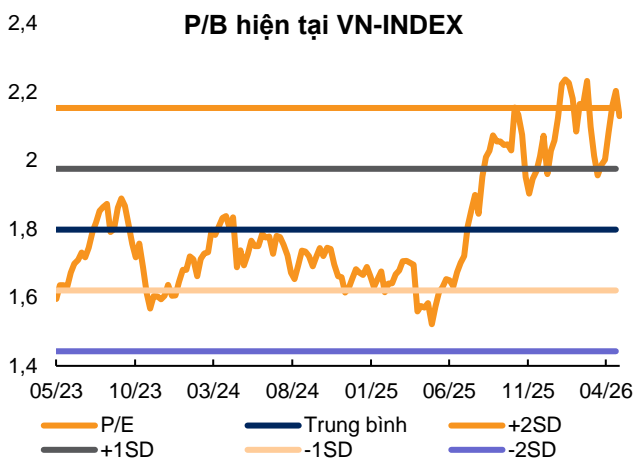
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 9: TOP 5 NGÀNH CÓ HIỆU SUẤT TỐT NHẤT TRÊN HOSE (CẬN DƯỚI)



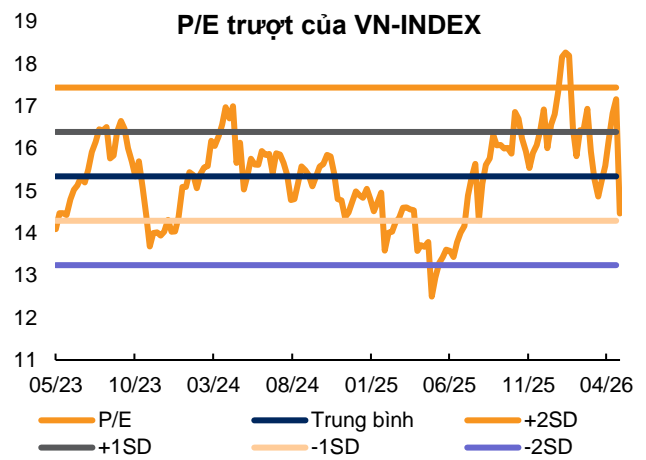
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 10: P/B HIỆN TẠI



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 11: P/E TRƯỢT



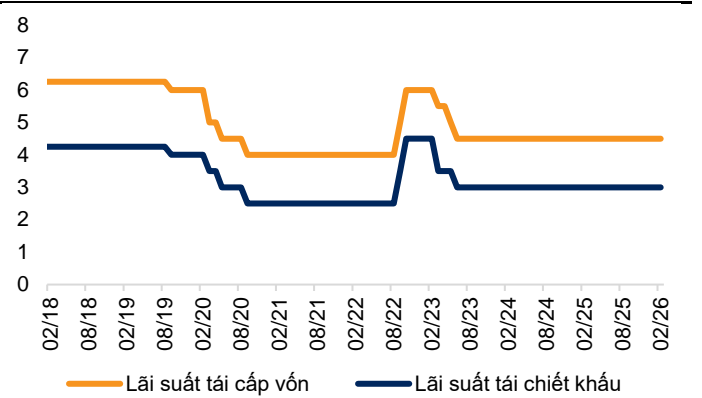
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 12: DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1D	1M	YTD	1Y
Lợi suất TPCP Việt Nam 5 năm (%/năm)	4,04	0,0	-0,6	24,3	65,5
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm (%/năm)	6,15	-3,1	32,3	272,7	53,8
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng (%/năm)	6,59	-0,6	-12,5	-20,1	51,5
USD/VND	26.349	0,0	0,0	-0,2	-1,6
DXY	98,51	0,0	0,4	0,2	-2,5
Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm (%/năm)	4,46	-0,2	5,0	7,0	-1,7
Lợi suất TPCP Mỹ 3 năm (%/năm)	4,01	-0,3	6,6	13,2	-1,1

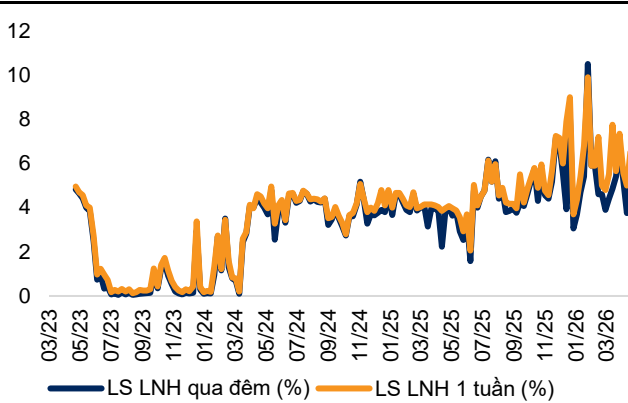
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 13: LÃI SUẤT CƠ BẢN NHNN VIỆT NAM



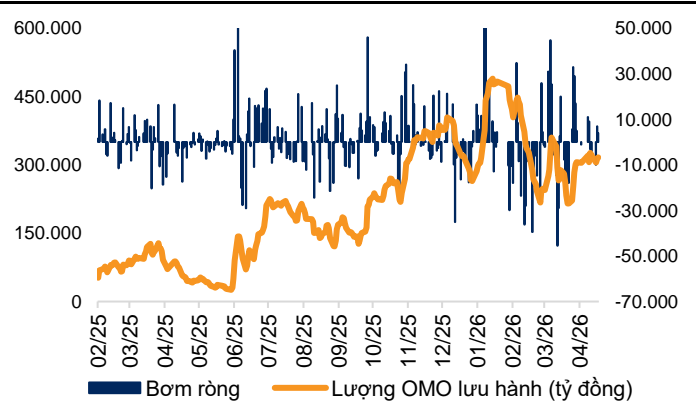
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 14: LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG



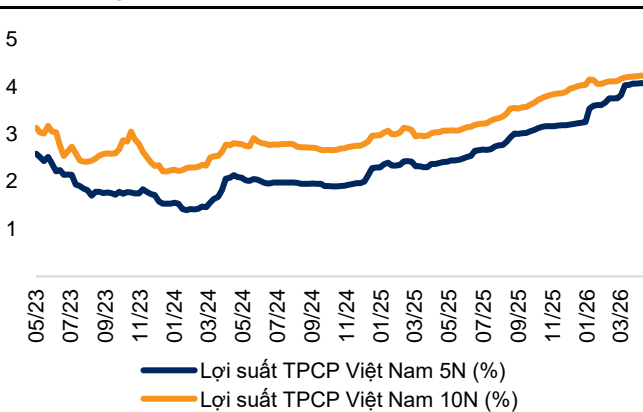
Nguồn: SBV, FIINPRO, VNDIRECT RESEARCH

Hình 15: NHNN BƠM/HÚT QUA KÊNH OMO



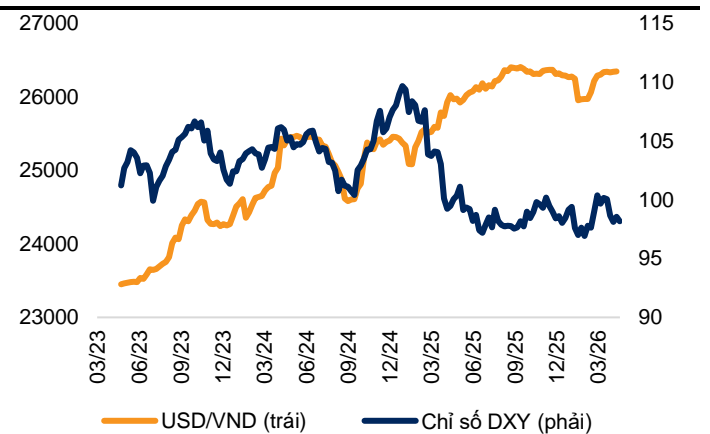
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 16: LỢI SUẤT TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 17: TỶ GIÁ



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 19: DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Năng lượng	1 ngày	1 tháng	1 năm
WTI	0,4%	11,1%	60,5%
Brent Crude	0,7%	12,2%	60,9%
JKM LNG	0,0%	-12,5%	58,0%
Henry Hub LNG	0,0%	-11,5%	48,6%
NW Thermal Coal	-0,7%	3,6%	-11,9%
Singapore Platt FO	-0,4%	8,3%	61,6%

Kim loại quý	% dod	% mom	% yoy
Vàng	-0,1%	-2,6%	47,5%
Vàng SJC trong nước			
Bạc	4,4%	17,5%	170,4%
Bạch kim	-2,9%	2,3%	117,3%

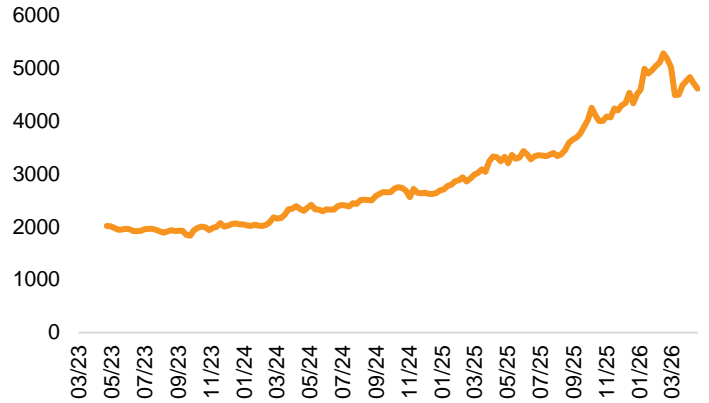
Kim loại cơ bản	% dod	% mom	% yoy
Vonfram	0,0%	0,0%	613,8%
Đồng	-1,2%	7,8%	42,2%
Nhôm	2,7%	1,1%	49,5%
Niken	1,2%	8,7%	22,1%
Kẽm	0,8%	5,2%	9,1%
Chì	NA	NA	NA
Thép	0,2%	1,7%	-2,6%
Quặng sắt	0,2%	5,7%	4,9%

Nông sản	% dod	% mom	% yoy
Gạo	2,6%	15,9%	2,7%
Arabica	0,5%	-1,5%	-23,0%
Đường	-1,0%	9,7%	-15,7%
Cacao	1,9%	25,9%	-55,8%
Dầu cọ	-1,1%	-2,3%	NA
Bông	-2,0%	14,4%	29,9%
Sữa bột	-0,3%	0,4%	-7,8%
Lúa mì	0,0%	14,2%	32,6%
Đậu tương	-0,5%	4,4%	13,3%
Hạt điều	NA	0,0%	2,8%
Cao su	-0,7%	7,5%	25,9%
Urê	-4,9%	-5,2%	96,4%

Chăn nuôi	% dod	% mom	% yoy
Heo hơi	0,0%	0,4%	-0,1%
Gia súc	2,1%	0,9%	16,9%

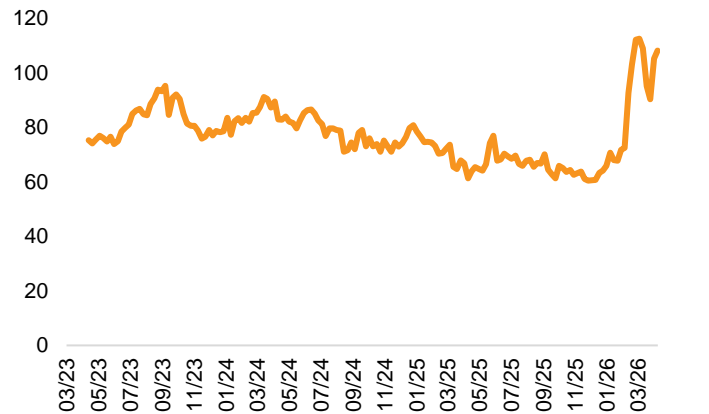
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 16: GIÁ VÀNG



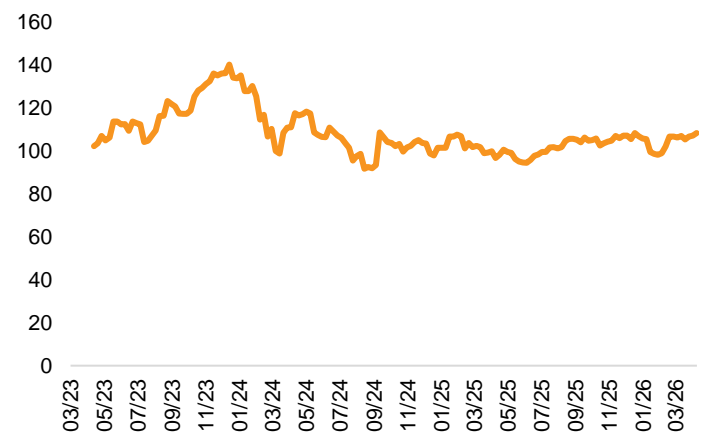
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 17: GIÁ DẦU BRENT



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 18: GIÁ QUẶNG SẮT



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Danh mục cổ phiếu theo dõi của VNDIRECT RESEARCH

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Hàng không										
ACV	6.023	2,1	2.837	44.300	73.300	66,7%	1,2%	14,9	2,2	16%
AST	123	0,0	4	72.300	85.400	21,6%	3,5%	11,1	4,7	47%
HVN	2.509	1,2	544	21.250	43.400	107,2%	2,9%	8,4	11,1	
VJC	3.887	8,4	918	173.100	113.600	-33,8%	0,6%	39,3	3,9	11%
Bán lẻ										
BAF	411	2,7	194	35.600	37.200	4,5%		56,2	2,7	4%
DGW	356	3,9	93	42.400	49.600	19,3%	2,4%	14,6	2,6	19%
FRT	879	2,4	149	136.000	150.300	10,8%	0,3%	25,3	5,2	28%
MCH	6.583	2,1		134.000	147.000	11,2%	1,5%	25,3	10,1	42%
MWG	4.692	23,5	0	84.200	96.300	15,6%	1,2%	15,1	3,5	25%
PNJ	1.350	5,7	11	69.500	109.900	59,1%	1,0%	10,2	2,5	28%
QNS	684	0,3	278	49.000	53.400	13,1%	4,1%	8,1	1,4	18%
SAB	2.288	1,6	950	47.000	59.900	33,8%	6,4%	12,9	2,7	21%
VHC	521	2,5		61.200	71.300	19,8%	3,3%	9,2	1,4	16%
VNM	4.767	13,3	2.436	60.100	74.800	29,2%	4,7%	13,6	3,8	28%
Tài chính										
ACB	4.445	11,8	193	22.800	31.300	41,1%	3,8%	7,2	1,2	18%
BID	12.033	13,0	1.495	43.550	47.200	9,4%	1,0%	9,9	1,7	18%
CTG	10.597	13,0	511	35.950	49.000	37,2%	0,9%	7,3	1,5	22%
HDB	5.281	14,0	275	27.800	39.500	44,4%	2,3%	7,6	1,7	25%
LPB	5.907	2,9	240	52.100	33.400	-30,1%	5,8%	13,9	3,1	23%
MBB	7.902	19,2	20	25.850	32.900	29,2%	1,9%	7,5	1,5	21%
STB	5.266	22,8	932	73.600	45.700	-37,1%	0,8%	18,1	2,3	8%
TCB	9.144	16,0	4	34.000	40.300	20,6%	2,1%	9,2	1,4	16%
TPB	1.669	8,2	95	15.850	17.800	18,3%	6,0%	6,0	1,0	18%
VCB	19.344	19,2	1.932	61.000	69.300	14,3%	0,7%	14,2	2,2	16%
VIB	2.073	3,8	4	16.050	23.600	52,6%	5,6%	7,2	1,1	16%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VPB	8.627	17,2	470	28.650	37.100	31,2%	1,7%	8,6	1,3	16%
Dệt may										
MSH	155	0,6	65	36.200	40.600	14,9%	2,8%	6,6	2,1	33%
TCM	98	1,1	2	23.000	29.800	31,7%	2,2%	11,2	1,1	10%
Khu công nghiệp										
BCM	2.098	1,5	694	53.400	68.600	30,5%	2,1%	16,5	2,5	16%
GMD	1.316	6,0	94	81.300	72.000	-8,7%	2,7%	19,9	2,5	13%
HAH	367	4,7	80	57.300	55.400	-2,0%	1,3%	8,0	2,1	27%
VSC	308	6,9	148	21.700	19.100	-9,7%	2,3%	29,7	1,6	6%
IDC	634	4,5	204	44.000	45.600	7,0%	3,4%	9,0	2,5	31%
KBC	1.165	4,9	470	32.600	30.000	-6,8%	1,2%	19,9	1,2	7%
PHR	343	0,9	120	66.700	68.400	4,6%	2,0%	13,7	2,1	16%
VTP	438	1,7	196	66.700	129.200	94,9%	1,2%	31,7	6,2	21%
Tài nguyên cơ bản										
DGC	732	12,6	311	50.800	128.300	158,5%	5,9%	7,8	1,2	17%
HPG	7.880	43,5	2.101	27.050	30.000	12,8%	1,8%	9,8	1,5	16%
Dầu khí										
BSR	5.749	21,5	2.733	30.250	16.700	-43,4%	1,4%	11,6	2,2	21%
GAS	7.656	9,0	3.589	83.600	78.400	-3,8%	2,4%	17,4	2,9	18%
OIL	597	4,4	37	15.200	14.800	-1,0%	1,6%	44,3	1,5	3%
PLX	1.922	10,8	104	39.850	47.700	22,7%	3,0%	29,1	1,9	10%
PVD	701	8,9	274	33.250	32.600	5,6%	7,5%	15,8	1,1	7%
PVS	786	12,8	257	40.500	41.800	4,8%	1,6%	10,7	1,3	13%
PVT	418	10,0	149	23.450	23.400	0,8%	1,0%	9,7	1,2	13%
Phân bón - Hóa chất										
DPM	694	10,5	312	26.900	22.700	-12,4%	3,2%	15,9	1,6	11%
DCM	865	9,8	336	43.050	40.000	-2,4%	4,6%	11,1	2,0	19%
DDV	148	1,9	67	26.700	39.700	52,1%	3,4%	6,2	1,7	31%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
PLC	67	0,6	33	22.000	34.100	57,3%	2,3%	#N/A N/A	1,4	9%
Điện										
POW	1.630	9,9	775	14.550	14.400	0,1%	1,1%	17,6	1,2	7%
Điện và BĐS										
HDG	348	2,9	110	24.750	37.400	53,1%	2,0%	13,8	1,4	10%
PC1	282	8,9	104	18.050	26.500	46,8%	0,0%	8,1	1,1	15%
REE	1.244	3,1	0	60.500	76.600	28,3%	1,7%	12,4	1,6	13%
Bất động sản										
DXG	675	10,1	198	16.000	18.300	26,9%	12,5%	75,3	1,2	2%
KDH	1.012	4,5	240	23.750	41.800	77,2%	1,2%	23,7	1,4	6%
NLG	496	3,6	48	26.950	42.200	58,3%	1,7%	19,9	1,0	6%
VHM	24.474	28,9	10.306	157.000	93.600			10,0	2,5	28%
VRE	2.945	8,5	1.060	34.150	32.000	-3,2%	3,1%	11,3	1,6	15%
Công nghệ										
FPT	4.778	37,6	938	73.900	118.200	61,3%	1,4%	13,0	3,2	27%

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

Hội sở

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội
ĐT: +84 24 3972 4568
Fax: +84 24 3972 4568

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tòa nhà 90 Pasteur,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
ĐT: +84 28 7300 0688
Fax: +84 28 3914 6924

Chi nhánh Đà Nẵng

57 Duy Tân,
Phường Hoa Cường, Đà Nẵng
ĐT: +84 511 382 1111
Fax: NA

Chi nhánh Vinh – Nghệ An

204, tờ bản đồ số 01, khối Yên Vinh,
Phường Trường Vinh, Nghệ An
ĐT: +84 23 8730 2886
Fax: NA

Chi nhánh Cần Thơ

Tầng 3 Tòa nhà STS, 11B Hòa Bình,
Phường Ninh Kiều, Cần Thơ
ĐT: +84 710 3766 959
Fax: NA

Chi nhánh Quảng Ninh

Tầng 1, 2, 3, Khu CC Việt Hàn,
Phường Hồng Gai, Quảng Ninh
ĐT: +84 98 8619 695
Fax: NA

Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 2, số 11 Hạc Thành
Phường Hạc Thành, Thanh Hóa
ĐT: +84 90 3255 202
Fax: NA

Chi nhánh Bình Dương

Tầng 1, 280 đường 30/04, Khu 03,
Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM
ĐT: +84 27 4222 2659
Fax: +84 27 4222 2660

Chi nhánh Nam Định

88-90 Phạm Sư Mạnh,
Phường Nam Định, Ninh Bình
ĐT: +84 22 8352 8819
Fax: NA